

Bản án số 249/2022/HC-PT
Ngày 01-7-2022
V/v: khiếu kiện
quyết định hành chính

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Tất Nam;
Các Thẩm phán: ông Nguyễn Văn Cường;
ông Hồ Sỹ Hưng.

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Bích Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đ diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: bà Phạm Thị Minh Hải - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 01 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 414/2021/TLPT-HC ngày 13 tháng 10 năm 2021 về khiếu kiện quyết định hành chính, do có kháng cáo của người khởi kiện đối với Bản án số 37/2021/HC-ST ngày 09-7-2021 (được sửa chữa, bổ sung tại Quyết định số 01/2021/QĐ-TA ngày 12-8-2021) của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 5547/2022/QĐPT-HC ngày 15-6-2022 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: ông Dương Xuân Đ sinh năm 1960; trú tại: tổ 7, khu 1, phường H, thành phố L, tỉnh Quảng Ninh; có mặt.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: các luật sư Nguyễn Huy X và Huỳnh Mỹ L - Văn phòng luật sư N, Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội; có mặt.

2. Người bị kiện:

Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố L, tỉnh Quảng Ninh.

Người Đ diện hợp pháp: ông Nguyễn Hữu N - Phó Chủ tịch (theo ủy quyền); có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp: bà Lưu Hải Y - Phó Trưởng phòng tài nguyên, môi trường; có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ủy ban nhân dân thành phố L, tỉnh Quảng Ninh.

Người Đ diện hợp pháp: ông Nguyễn Hữu N - Phó Chủ tịch; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Ủy ban nhân dân phường H, thành phố L, tỉnh Quảng Ninh.

Người đại diện hợp pháp: ông Hà Hồng S - Chủ tịch; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bà Phạm Thị N trú tại: tổ 7, khu 1, phường H, thành phố L, tỉnh Quảng Ninh. Người Đ diện hợp pháp: ông Dương Xuân Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Người khởi kiện ông Dương Xuân Đ trình bày: bố mẹ ông Dương Xuân Đ là ông Dương Xuân K và Nguyễn Thị H khai phá thửa đất tại tổ 7 khu 1, phường H, thành phố L từ năm 1960, đã được Ủy ban hành chính thị xã HG cấp giấy cho phép sử dụng đất công ngày 07-3-1966 và giao lại cho vợ chồng ông Dương Xuân Đ và bà Phạm Thị N quản lý sử dụng từ năm 1983. Năm 1990 có nhận chuyển nhượng thửa đất liền kề của gia đình ông Vũ Đình L thửa đất có diện tích 226 m², tổng diện tích là 477 m², gia đình ông sử dụng ổn định từ đó đến nay, không có tranh chấp, không vi phạm.

Năm 2006, Ủy ban nhân dân (UBND) thành phố L cấp GCNQSD đất số H31046 với tổng diện tích 422,8 m², trong đó 226 m² đất ở và 196,8 m² đất trồng cây lâu năm thuộc thửa đất số 124, tờ bản đồ số 23 mang tên Dương Xuân Đ - Phạm Thị N. Diện tích đất còn lại là 54,4 m² do bố mẹ ông khai phá từ năm 1960, UBND thành phố L cho rằng đất do UBND phường quản lý không đo địa chính, không cấp quyền sử dụng cho gia đình ông.

Hạn mức 226 m² đã được UBND thành phố cấp GCNQSD đất số H31046 là hạn mức của ông Vũ Đình L do ông Đ nhận chuyển nhượng theo quy định của Luật đất đai năm 2013 và QĐ 2515/2000; Quyết định 3717/2005; Quyết định 4505/2007 của UBND tỉnh Quảng Ninh quy định về hạn mức đất ở. Mỗi hộ gia đình được cấp một lần hạn mức đất ở không phải nộp tiền sử dụng đất. Theo quy định trên thì gia đình ông còn được cấp 1 lần hạn mức đất ở là 120 m² vì gia đình ông chưa được cấp lần nào. Đồng thời tại thời điểm Quyết định số 4505/2007/QĐ-UBND của UBND tỉnh Quảng Ninh còn hiệu lực thi hành thì năm 2007 gia đình ông đã có 3 thế hệ là 02 hộ đang sinh sống tại thửa đất đó. Do vậy gia đình ông phải được cộng thêm 1/2 hạn mức đất ở. Theo quy định của Luật đất đai thì hạn mức đất ở của gia đình ông phải được cấp là 180,0 m².

Ngày 10-7-2018 ông Dương Xuân Đ nhận được văn bản số 5038/UBND ngày 27-6-2018 của UBND thành phố L về việc giải quyết đơn của ông Đ.

Ngày 11-7-2018 ông Dương Xuân Đ khiếu nại đối với công văn số 5038/UBND ngày 27-6-2018 về nội dung “nguồn gốc thu tiền sử dụng đất khi cấp giấy chứng nhận”, số tiền ông phải nộp là 1.344.023.500 đồng là chưa đúng với quy định. Ông đề nghị căn cứ vào nội dung văn bản số 175/UBND của UBND phường H ngày 29-6-2018 xem xét lại cách tính thuế nộp tiền sử dụng

đất cho gia đình.

Ngày 28-9-2018, Chủ tịch UBND thành phố L ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 6138/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại buộc ông Đ phải nộp tiền sử dụng đất:

Diện tích 196,8 m² chuyển đổi từ đất trồng cây lâu năm sang đất ở là 761.806.500 đồng và tiền phí trước bạ là 7.699.000 đồng;

Diện tích 54,4 m² UBND thành phố cho rằng ngoài giấy cấp đất là do ông lấn chiếm sử dụng. Do vậy mức thu tiền sử dụng đất của ông Đ là 100% giá trị đất tại vị trí cấp GCNQSD đất và nhân với hệ số điều chỉnh giá đất 1,8; tiền sử dụng đất là 460.224.000 đồng và tiền phí trước bạ là 2.301.000 đồng;

- Truy thu tài sản trên đất (nhà 5 tầng) 111.993.000 đồng.

Không đồng ý với Quyết định số 6138/QĐ-UBND ngày 28-9-2018 của Chủ tịch UBND thành phố L và cho rằng quyền lợi của mình bị xâm phạm nên ông Dương Xuân Đ khởi kiện vụ án hành chính yêu cầu hủy Quyết định số 6138/QĐ-UBND ngày 28-9-2018 của Chủ tịch UBND thành phố L tỉnh Quảng Ninh về việc giải quyết khiếu nại của ông Dương Xuân Đ.

- Người bị kiện - Chủ tịch UBND thành phố L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - UBND thành phố L trình bày:

Năm 2019, ông Dương Xuân Đ, địa chỉ thường trú tại tổ 7, khu 1 phường H (có thửa đất tại tổ 7, khu 1, phường H, thành phố L) khiếu nại về việc gia đình không đồng ý với việc UBND thành phố L cấp GCNQSD đất phải nộp tiền là 1.344.023.500 đồng. Đề nghị xem xét lại việc thu nghĩa vụ tài chính theo khoản 1 Điều 100 Luật đất đai với lý do:

Diện tích 226 m² đất thuộc tổ 124 tờ bản đồ địa chính số 23 nằm trong GCNQSD đất được UBND thành phố cấp ngày 27-12-2006 cho gia đình ông là phần diện tích mua lại của ông Vũ Đình L và được UBND thị xã HG cấp đổi GCN quyền sở hữu nhà số 287 ngày 08-4-1994 mang tên Dương Xuân Đ. Do đó 226 m² đất trong GCN quyền sở hữu nhà số 287 là hạn mức của ông L, gia đình ông phải được hưởng 1 lần hạn mức lần đầu nữa, không nộp tiền sử dụng đất khi cấp GCN tại thửa đất số 124 tờ bản đồ số 23 phường H.

Diện tích 54,4 m² nằm ngoài địa chính gia đình đăng ký năm 1997 do gia đình khai phá có nguồn gốc từ năm 1960 và không phải nộp tiền sử dụng đất khi cấp GCN.

Về quá trình cấp GCNQSD đất, thi hành Bản án số 101/2011/KDTM-PT và mức thu khi cấp GCNQSD đất, QSD nhà ở bổ sung, chuyển mục đích sử dụng đất cho hộ ông Dương Xuân Đ:

Ông Dương Xuân Đ được UBND thị xã HG cấp GCNQSD đất và QSD nhà số 287 ngày 08-4-1994 có nguồn gốc nhận chuyển nhượng của ông Vũ Đình L. Đến năm 1997, đo xác L bản đồ địa chính phường H là thửa đất số 124 tờ bản đồ số 23 thuộc tổ 7 khu 1 phường H mang tên chủ sử dụng đất ông Dương Xuân

Đ. Căn cứ Điều 48 Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29-10-2004 của Chính phủ và khoản 3 Điều 87 Luật đất đai năm 2003, ngày 27-12-2006 thửa đất của ông Dương Xuân Đ đã được UBND thành phố L cấp GCNQSD đất số AH 902336, số vào sổ H31046 với diện tích 422,8 m² (đất ở 226 m², đất TCLN: 196,8 m²).

Đến năm 2007 ông Dương Xuân Đ - Chủ doanh nghiệp tư nhân Xí nghiệp sản xuất thương mại V vay của Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ninh số tiền 4 tỷ đồng theo các Hợp đồng thế chấp tài sản số 01 + 02/TV/HĐTC-HTTVV/2007 ngày 11-5-2007 và Hợp đồng tín dụng số 04/HĐTD ngày 24-4-2008. Tài sản đảm bảo là GCNQSD đất được UBND thành phố L cấp ngày 27-12-2006 và Tòa nhà Trung tâm thương mại V.

Sau khi siêu thị V đi vào hoạt động nhưng không hiệu quả nên ông Dương Xuân Đ gặp khó khăn trong thanh toán. Vì vậy, Ngân hàng TMCP công thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ninh đã gia hạn nợ gốc và lãi cho ông Dương Xuân Đ và yêu cầu ông Đ lên phương án trả nợ, tuy nhiên, ông Dương Xuân Đ không thực hiện được, Vì vậy Ngân hàng TMCP công thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ninh đã yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Dương Xuân Đ phải thanh toán số tiền nợ gốc, tiền nợ quá hạn và tiền nợ lãi. Nếu ông Dương Xuân Đ không thanh toán được số nợ Ngân hàng sẽ xử lý tài sản để đảm bảo thu hồi nợ.

Ngày 02-6-2011, Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội có Bản án số 101/2011/KDTM-PT về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng với nội dung kết luận “Buộc ông Dương Xuân Đ - Chủ DNTN - Xí nghiệp SXTM V phải thanh toán trả Ngân hàng TMCP công thương Việt Nam số tiền 4.457.472.888 đồng và tiền lãi suất chậm thi hành án. Đồng thời xử lý tài sản đảm bảo theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 01 + 02/HĐTC-HTTVV/2007 ngày 11-5-2007 giữa Ngân hàng TMCP công thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ninh và ông ông Dương Xuân Đ - Chủ DNTN - Xí nghiệp SXTM V, để đảm bảo thi hành án”.

Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh thi hành Bản án số 101/2011/KDTM-PT ngày 02-6-2011 của Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội đối với người phải thi hành án là ông Dương Xuân Đ - Chủ doanh nghiệp tư nhân - Xí nghiệp SXTM V tại tổ 7 khu 1 phường H, thành phố L. Theo 02 Hợp đồng thế chấp tài sản nêu trên, tài sản thế chấp bao gồm: quyền sử dụng đất tại thửa đất số 124, tờ bản đồ số 23 thuộc tổ 7 khu 1 phường H, thành phố L, Quảng Ninh theo GCNQSD đất số vào sổ H31046 do UBND thành phố L cấp ngày 27-12-2006 mang tên ông Dương Xuân Đ - bà Phạm Thị N, tổng diện tích được cấp là 422,8 m² (đất ở: 226 m²; đất TCLN: 196,8 m²) và tài sản hình thành từ vốn vay: tòa nhà Trung tâm thương mại V 05 tầng xây dựng trên toàn bộ diện tích đất 422,8 m². Tuy nhiên, quá trình xử lý tài sản theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 01 + 02/TV/HĐTC-HTTVV/2007 ngày 11-5-2007, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh nhận thấy tài sản hình thành từ vốn vay của DNTN - Xí nghiệp SXTM V vẫn chưa hoàn thiện các thủ tục pháp lý (chưa được cấp có thẩm quyền cấp phép xây dựng theo quy định).

Ngày 22-9-2017, UBND thành phố L tổ chức cuộc họp liên ngành bàn về việc thi hành Bản án số 101/2011/KDTM-PT ngày 02-6-2011 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội đối với ông Dương Xuân Đ với nội dung kết luận:

+ Truy thu tiền sử dụng đất đối với phần diện tích 182 m² đất vườn trong GCNQSD đất và cấp bổ sung phần đất lấn chiếm phù hợp quy hoạch và truy thu các nghĩa vụ tài chính theo quy định.

Phải hoàn tất thủ tục chuyển nhượng QSD đất của hộ ông Đ và các hộ dân liên kề để tránh tình trạng tranh chấp.

Hợp thức hóa công trình kiến trúc trên đất đối với hạng mục, công trình phù hợp quy hoạch, không ảnh hưởng đến giao thông Tỉnh lộ 336 và việc thoát nước của suối HT - H.

Thực hiện theo ý kiến chỉ đạo tại Biên bản họp ngày 22-9-2017 và Văn bản số 8789/UBND ngày 09-11-2017 của UBND thành phố L với nội dung: “Đồng ý cho phép hộ ông Dương Xuân Đ chuyển mục đích sử dụng đất phần diện tích 182 m² đất vườn trong GCN, cấp bổ sung 54,4 m² đất ngoài GCN và cấp bổ sung quyền sở hữu công trình nhà 5 tầng xây dựng trên đất”, Phòng tài nguyên và môi trường thành phố đã tiến hành các thủ tục cụ thể:

Về việc chuyển mục đích sử dụng phần đất ở trong GCN của hộ ông Dương Xuân Đ tại thửa đất số 124 tờ bản đồ số 23 phường H: mức thu tiền sử dụng đất của hộ ông Đ chuyển mục đích sử dụng đất phần diện tích đất trồng cây lâu năm của thửa đất số 124 tờ bản đồ số 23 phường H: căn cứ điểm a khoản 2 Điều 5 và điểm c khoản 3 Điều 3 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP của Chính phủ, mức thu cụ thể: 50% giá đất tại vị trí cấp GCN x (nhân) hệ số điều chỉnh giá đất 1.8.

Về việc cấp bổ sung 54,4 m² đất ngoài GCNQSD đất đã cấp năm 2006: mức thu tiền sử dụng đất khi hộ ông Đ cấp bổ sung quyền sử dụng đất đối với phần diện tích 54,4 m²: căn cứ khoản 1 Điều 9 và điểm c khoản 3 Điều 3 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ, mức thu cụ thể: 100% giá đất tại vị trí cấp GCN x (nhân) hệ số điều chỉnh giá đất 1.8.

Về truy thu tiền thuế xây dựng công trình (nhà 5 tầng - nhà ở thông thường) xây dựng không phép trên thửa đất số 124 tờ bản đồ số 23 phường H, thành phố L: mức thu tiền thuế: căn cứ điểm b khoản 2 Điều 2 Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15-6-2015 của Bộ Tài chính truy thu tiền thuế xây dựng công trình theo quy định.

Tổng số tiền ông Dương Xuân Đ phải nộp vào ngân sách Nhà nước là 1.344.023.500 đồng.

Kết quả xác minh nội dung khiếu nại của UBND thành phố: tại cuộc họp tại trụ sở UBND phường H ngày 24-8-2018 có nội dung kết luận:

Về việc chuyển mục đích sử dụng phần đất diện tích 182 m² đất vườn

sang mục đích đất ở trong GCN của ông Dương Xuân Đ tại thửa đất số 124 tờ bản đồ số 23 phường H: về hồ sơ pháp lý: hộ ông Dương Xuân Đ đã được UBND thành phố L cấp GCNQSD đất tại thửa đất số 124 tờ bản đồ địa chính số 23 phường H với diện tích 422,8 m², trong đó: diện tích đất ở là 226 m² (hạn mức đất ở tại vị trí cấp GCN là 120 m². Tuy nhiên, căn cứ Điều 48 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP của Chính phủ tại thời điểm cấp GCN năm 2006 hộ ông Dương Xuân Đ được cấp đổi diện tích 226 m² đất ở đã được UBND thị xã HG cấp cho ông Đ tại GCN số 287 ngày 08-4-1994 có nguồn gốc nhận chuyển nhượng của ông Vũ Đình L. Cấp hết hạn mức đất ở theo quy định tại khoản 3 Điều 87 Luật đất đai 2003). Diện tích đất còn lại tại thời điểm cấp GCN chưa xây dựng công trình cấp đất trồng cây lâu năm là 196,8 m². Vì vậy mức thu tiền sử dụng đất khi hộ ông Đ chuyển mục đích sử dụng phần diện tích đất trồng cây lâu năm còn lại của thửa đất số 124 tờ bản đồ số 23 phường H tại thời điểm kê khai xin chuyển mục đích sử dụng đất mức thu phải căn cứ vào Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai và Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất: căn cứ điểm a khoản 2 Điều 5 và điểm c khoản 3 Điều 3 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP của Chính phủ, mức thu cụ thể: 50% giá đất tại vị trí cấp GCN x (nhân) hệ số điều chỉnh giá đất 1.8 là đúng quy định của pháp luật. Tiền sử dụng đất: 761.806.500 đồng; tiền lệ phí trước bạ: 7.699.000 đồng.

Về việc cấp bổ sung 54,4 m² đất ngoài GCNQSD đất đã cấp năm 2006: Về hồ sơ pháp lý: theo nguồn gốc, quá trình sử dụng được UBND phường H xác minh và theo hồ sơ quản lý đất đai: phần diện tích 54,4 m² đất xin cấp bổ sung của hộ ông Dương Xuân Đ nằm ngoài GCNQSD đất đã được UBND thành phố cấp năm 2006 do gia đình lấn chiếm sử dụng từ năm 2007 trong quá trình xây dựng Tòa nhà trung tâm thương mại V. Tại cuộc họp ngày 24-8-2018, UBND phường H khẳng định về nguồn gốc: đối với phần diện tích 54,4 m² là phần diện tích phát sinh sau khi Nhà nước xây dựng kè suối. Gia đình ông Đ sử dụng đến năm 2007 xây nhà ở ổn định. Ông Dương Xuân Đ không cung cấp được căn cứ pháp lý chứng minh phần diện tích 54,4 m² nằm ngoài địa chính gia đình đăng ký năm 1997 do gia đình khai phá có nguồn gốc từ năm 1960. Vì vậy mức thu tiền sử dụng đất khi hộ ông Đ xin cấp bổ sung quyền sử dụng đất đối với phần diện tích 54,4 m² sẽ căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ và Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất: căn cứ Điều 22 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 và khoản 1 Điều 9 và điểm c khoản 3 Điều 3 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP của Chính phủ, mức thu cụ thể: 100% giá đất tại vị trí cấp GCN x (nhân) hệ số điều chỉnh giá đất 1.8 là đúng quy định của pháp luật. Tiền sử dụng đất: 460.224.000 đồng; tiền lệ phí trước bạ là 2.301.000 đồng.

Về truy thu tiền thuê xây dựng công trình (nhà 5 tầng - nhà ở thông thường) xây dựng không phép trên thửa đất số 124, tờ bản đồ số 23 phường H, thành phố L: tại thời điểm xây dựng công trình tòa nhà Trung tâm thương mại V, hộ ông Dương Xuân Đ đã xây dựng trái phép, không làm thủ tục cấp phép

xây dựng theo quy định nên chưa nộp thuế xây dựng công trình. Vì vậy căn cứ điểm b khoản 2 Điều 2 Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15-6-2015 của Bộ Tài chính truy thu tiền thuế xây dựng công trình là đúng theo quy định của pháp luật. Tiền truy thu tài sản trên đất (nhà 5 tầng): 111.993.000 đồng.

Sau khi xem xét hồ sơ cấp GCNQSD đất năm 2006 và hồ sơ cấp GCN năm 2017 và hồ sơ quản lý đất đai của cơ quan nhà nước được lưu trữ khẳng định việc cấp GCNQSD đất cho hộ ông Dương Xuân Đ năm 2006 và cấp GCNQSD đất, QSH nhà ở bổ sung và chuyển mục đích sử dụng năm 2017 đã đảm bảo quy định tại thời điểm cấp giấy chứng nhận.

Từ những căn cứ và hồ sơ trên, việc Phòng tài nguyên và môi trường trình UBND thành phố L cấp bổ sung GCNQSD đất và QSD nhà ở và chuyển mục đích sử dụng đất cho hộ ông Dương Xuân Đ tại thửa đất số 124 tờ bản đồ số 23 thuộc tổ 7 khu 1 phường H và xác định mức thu tiền sử dụng đất khi chuyển mục đích sử dụng đất và cấp bổ sung quyền sử dụng đất và quyền sở hữu công trình nhà ở trên đất là đúng quy định của pháp luật. Tổng số tiền ông Dương Xuân Đ phải nộp vào ngân sách Nhà nước là 1.344.023.500 đồng.

Do đó, việc ông Dương Xuân Đ cho rằng: diện tích 226 m² đất ở thuộc thửa đất số 124 tờ bản đồ địa chính số 23 nằm trong GCNQSD đất được UBND thành phố L cấp ngày 27-12-2006 cho gia đình ông là phần diện tích mua lại của ông Vũ Đình L và được UBND thị xã HG cấp đổi GCN quyền sở hữu nhà số 287 ngày 08-4-1994 mang tên ông Dương Xuân Đ. Do đó 226 m² đất ở trong GCN quyền sở hữu nhà số 287 là hạn mức của ông L, gia đình ông phải được hưởng 1 lần hạn mức lần đầu nữa, không phải nộp tiền sử dụng đất khi cấp GCN tại thửa đất số 124 tờ bản đồ số 23 phường H và diện tích 54 m² nằm ngoài địa chính gia đình đăng ký năm 1997 do gia đình khai phá có nguồn gốc từ năm 1960 và không phải nộp tiền sử dụng đất khi cấp GCN là không có cơ sở.

Việc UBND thành phố L cấp GCNQSD đất cho hộ ông Dương Xuân Đ ngày 27-12-2006 và xác định mức thu tiền sử dụng đất khi chuyển mục đích sử dụng đất và cấp bổ sung quyền sử dụng đất, quyền sở hữu công trình trên đất là đúng theo quy định của pháp luật. Vì vậy nội dung khiếu nại của ông Dương Xuân Đ là không có cơ sở xem xét giải quyết.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan - UBND phường H (do người Đ diện hợp pháp) trình bày: ông Dương Xuân Đ được UBND thị xã HG cấp GCN quyền sở hữu nhà số 287 ngày 08-4-1994 có nguồn gốc nhận chuyển nhượng của ông Vũ Đình L. Đến năm 1999, đo đạc L bản đồ địa chính phường H là thửa đất số 124 tờ bản đồ địa chính số 23 thuộc tổ 7 khu 1 phường H, tên chủ sử dụng là ông Dương Xuân Đ. Ông Dương Xuân Đ đã được UBND thành phố L cấp GCNQSD đất số AH 902336, sổ vào sổ H31046 với diện tích 422,8 m² (đất ở 226 m², đất TCLN 196,8 m²). Việc ông Dương Xuân Đ cho rằng diện tích 226 m² đất ở thuộc thửa đất số 124 tờ bản đồ số 23 nằm trong GCNQSD đất được UBND thành phố L cấp ngày 27-12-2006 cho gia đình ông Dương Xuân Đ là phần diện tích ông Đ mua lại của ông Vũ Đình L và được UBND thị xã HG cấp đổi GCN quyền sở hữu nhà số 287 ngày 08-4-1994 mang tên ông Dương Xuân

Đ. Do đó, diện tích 226 m² đất trong GCN quyền sở hữu nhà số 287 là hạn mức của ông L, gia đình ông phải được hưởng 01 lần hạn mức lần đầu nữa, không phải nộp tiền sử dụng đất khi cấp GCN tại thửa số 124 tờ bản đồ số 23 và diện tích 54,4 m² nằm ngoài địa chính gia đình đăng ký năm 1999 do gia đình khai phá có nguồn gốc từ năm 1960 và không phải nộp tiền sử dụng đất khi cấp GCN là không có cơ sở.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan - bà Phạm Thị N quá trình giải quyết vụ án có lời khai thể hiện quan điểm tương tự như quan điểm của ông Dương Xuân Đ.

Tại Bản án số 37/2021/HC-ST ngày 09-7-2021 (được sửa chữa, bổ sung bản án tại Quyết định số 01/2021/QĐ-TA ngày 12-8-2021), Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã căn cứ điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 206 Luật tổ tụng hành chính; quyết định: bác yêu cầu khởi kiện của ông Dương Xuân Đ về yêu cầu hủy Quyết định số 6138/QĐ-UBND ngày 28-9-2018 của Chủ tịch UBND thành phố L, tỉnh Quảng Ninh về việc giải quyết khiếu nại của ông Dương Xuân Đ - địa chỉ tổ 7 khu 1 phường H, thành phố L “với nội dung không đồng ý với việc UBND thành phố L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phải nộp tiền là 1.344.023.500 đồng”.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí theo quy định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 21-7-2021, ông Dương Xuân Đ có đơn kháng cáo đề nghị hủy bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người kháng cáo và luật sư bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp đề nghị chấp nhận kháng cáo hủy Quyết định số 6138/QĐ-UBND ngày 28-9-2018 của Chủ tịch UBND thành phố L về việc giải quyết khiếu nại đối với ông Đ. Ngoài ra, Luật sư còn đề nghị đưa cơ quan thi hành án tỉnh Quảng Ninh vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Người bị kiện đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên quan điểm trong quá trình giải quyết vụ án. Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người bị kiện cho rằng việc UBND thành phố L ban hành Quyết định số 6138/QĐ-UBND ngày 28-9-2018 giải quyết khiếu nại đối với ông Đ là đúng pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tham gia phiên tòa, có ý kiến căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, xét thấy việc Tòa án cấp sơ thẩm quyết định bác yêu cầu khởi kiện của ông Dương Xuân Đ là có căn cứ, đúng pháp luật; đề nghị giữ nguyên quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm đối với các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Về tố tụng: ngày 27-6-2018, UBND thành phố L có văn bản số 5038/UBND giải quyết đơn của ông Dương Xuân Đ; ngày 11-7-2018 ông Đ

khieu nại đối với văn bản số 5038/UBND; ngày 28-9-2018, Chủ tịch UBND thành phố L ban hành Quyết định số 6138/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Dương Xuân Đ; ngày 16-11-2018 ông Dương Xuân Đ nộp đơn khởi kiện vụ án hành chính đối với Quyết định số 6138/QĐ-UBND ngày 28-9-2018 của Chủ tịch UBND thành phố L tỉnh Quảng Ninh về việc giải quyết khiếu nại của ông Dương Xuân Đ là trong thời hiệu khởi kiện. Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh thụ lý, giải quyết vụ án là đúng.

[2]. Xem xét tính hợp pháp và có căn cứ của Quyết định số 6138/QĐ-UBND ngày 28-9-2018 của Chủ tịch UBND thành phố L tỉnh Quảng Ninh về việc giải quyết khiếu nại của ông Dương Xuân Đ, xét thấy:

- Về thẩm quyền và trình tự ban hành quyết định

Sau khi nhận được đơn khiếu nại, Chủ tịch UBND thành phố L đã ra Thông báo số 480/TB-UBND ngày 07-8-2018 thông báo cho ông Dương Xuân Đ về việc thụ lý giải quyết khiếu nại; ban hành văn bản số 5731/UBND ngày 23-7-2018 giao nhiệm vụ cho cơ quan kiểm tra - thanh tra tham mưu, giải quyết đơn khiếu nại và giao Phòng tài nguyên và môi trường thành phố cung cấp hồ sơ, tài liệu liên quan. Ngày 07-8-2018 ban hành Quyết định số 4531/QĐ-UBND giao nhiệm vụ xác minh nội dung khiếu nại; ngày 28-9-2018 Chủ tịch UBND thành phố L ban hành Quyết định số 6138/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Dương Xuân Đ. Như vậy, Quyết định giải quyết khiếu nại số 6138/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND thành phố L được ban hành đúng về trình tự, hình thức và thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 18; Điều 31 Luật khiếu nại năm 2011; Điều 204 Luật đất đai năm 2013; khoản 8 điều 29 Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015.

- Về nội dung

Ông Dương Xuân Đ được UBND thị xã HG cấp GCNQSD đất và QSD nhà số 287 ngày 08-4-1994 có nguồn gốc nhận chuyển nhượng của ông Vũ Đình L. Đến năm 1997, đo xác L bản đồ địa chính phường H là thửa đất số 124 tờ bản đồ số 23 thuộc tổ 7 khu 1 phường H mang tên chủ sử dụng đất ông Dương Xuân Đ. Căn cứ Điều 48 Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29-10-2004 của Chính phủ và khoản 3 Điều 87 Luật đất đai năm 2003, ngày 27-12-2006 thửa đất của ông Dương Xuân Đ đã được UBND thành phố L cấp GCNQSD đất số AH 902336, số vào sổ H31046 với diện tích 422,8 m² (đất ở 226 m², đất TCLN: 196,8 m²).

Năm 2007 ông Dương Xuân Đ - Chủ DNTN - Xí nghiệp SXTM V vay của Ngân hàng TMCP công thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ninh số tiền 4 tỷ đồng theo các Hợp đồng thế chấp tài sản số 01+02/TV/HĐTC-HTTVV/2007 ngày 11-5-2007 và Hợp đồng tín dụng số 04/HĐTD ngày 24-4-2007. Tài sản đảm bảo là quyền sử dụng thửa đất số 124 tờ bản đồ số 23 thuộc tổ 7 khu 1 phường H mang tên chủ sử dụng đất ông Dương Xuân Đ thửa đất đã được UBND thành phố L cấp GCNQSD đất số vào sổ H31046 do UBND thành phố L cấp ngày 27-12-2006 mang tên ông Dương Xuân Đ - bà Phạm Thị N, tổng diện tích được cấp là 422,8 m² (đất ở: 226 m²; đất TCLN: 196,8 m²) và tài sản hình

thành từ vốn vay: Tòa nhà Trung tâm thương mại V 05 tầng xây dựng trên toàn bộ diện tích đất 422,8 m².

Tại Bản án số 101/2011/KDTM-PT ngày 02-6-2011 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội giải quyết việc tranh chấp hợp đồng tín dụng giữa nguyên đơn là Ngân hàng TMCP công thương Việt Nam với bị đơn là ông Dương Xuân Đ - Chủ DNTN - Xí nghiệp SXTM V đã quyết định: buộc ông Dương Xuân Đ - Chủ DNTN Xí nghiệp SXTM V phải thanh toán trả Ngân hàng TMCP công thương Việt Nam số tiền 4.457.472.888 đồng và tiền lãi suất chậm thi hành án. Đồng thời xử lý tài sản đảm bảo theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 01+02/HĐTC-HTTVV/2007 ngày 11-5-2007 giữa Ngân hàng TMCP công thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ninh và ông Dương Xuân Đ - Chủ DNTN Xí nghiệp SXTM V, để đảm bảo thi hành án.

Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh đã quyết định thi hành Bản án số 101/2011/KDTM-PT ngày 02-6-2011 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội đối với người phải thi hành án Dương Xuân Đ. Tài sản thế chấp bao gồm: quyền sử dụng đất tại thửa đất số 124, tờ bản đồ số 23 thuộc tổ 7 khu 1 phường H, thành phố L, Quảng Ninh theo GCNQSD đất số vào sổ H31046 do UBND thành phố L cấp ngày 27-12-2006 mang tên ông Dương Xuân Đ - bà Phạm Thị N, tổng diện tích được cấp là 422,8 m² (đất ở: 226 m²; đất TCLN: 196,8 m²) và tài sản hình thành từ vốn vay: Tòa nhà trung tâm thương mại V 05 tầng xây dựng trên toàn bộ diện tích đất 422,8 m². Tuy nhiên tài sản hình thành từ vốn vay vẫn chưa hoàn thiện các thủ tục pháp lý.

Thời điểm năm 2007, khi ông Đ xây dựng công trình không có giấy phép xây dựng nên đã bị Đội Thanh tra xây dựng - quản lý đô thị thành phố và UBND phường HL biên bản vi phạm hành chính, đình chỉ thi công và UBND thành phố L ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 127/QĐ-XPHC ngày 09-4-2007, với các hành vi vi phạm: xây dựng công trình không có giấy phép xây dựng; xây dựng công trình trên đất chưa chuyển đổi mục đích sử dụng (182,0 m² đất vườn). Sử dụng đất không đúng mục đích. Chuyển nhượng quyền sử dụng đất mà không thực hiện đúng thủ tục hành chính theo quy định của pháp luật về đất đai.

Tại Quyết định 127/QĐ-XPHC ngày 09-4-2007, UBND thành phố đã yêu cầu ông Đ L hồ sơ cấp giấy phép xây dựng theo quy định; khôi phục tình trạng ban đầu của 182,0 m² đất vườn như trước khi vi phạm. Tuy nhiên, ông Đ không chấp hành và tiếp tục thi công xây dựng công trình. Do ông Đ không chấp hành biện pháp khắc phục hậu quả, UBND thành phố đã ban hành Quyết định số 591/QĐ-CC ngày 06-7-2016 “Cưỡng chế thi hành quyết định số 127/QĐ-XPHC ngày 09-4-2007 của UBND thành phố L”. Tổng chi phí thực hiện phá dỡ khoảng 600 triệu đồng.

Ngày 23-5-2017, UBND thành phố đã có văn bản số 189/BC-UBND báo cáo UBND tỉnh với nội dung: công trình vi phạm trật tự đô thị của hộ ông Đ có quy mô lớn (diện tích xây dựng 446,38 m² và tổng diện tích sàn khoảng 2.200 m²), các thông số kỹ thuật của công trình và cảnh quan cơ bản phù hợp với quy

định tại quy chế quản lý kiến trúc đối với khu vực chưa có quy hoạch chi tiết, đảm bảo giao thông Tỉnh lộ 336. Do đó việc phá dỡ công trình gây thiệt hại một phần của cải vật chất xã hội (trực tiếp là tài sản của doanh nghiệp) và cần một khoản chi phí khoảng 600 triệu đồng bằng vốn ngân sách nhà nước để thực hiện phá dỡ (về nguyên tắc hộ dân có công trình vi phạm phải chịu mọi chi phí phá dỡ, nhưng thực tế ông Dương Xuân Đ không có khả năng chi trả). Do đó UBND thành phố đã báo cáo và đề xuất: không thực hiện phá dỡ đối với công trình của gia đình ông Đ và xem xét cho tồn tại đối với các bộ phận, hạng mục phù hợp quy hoạch, không ảnh hưởng đến giao thông Tỉnh lộ 336, thoát nước của suối Hà Trung - H; yêu cầu ông Đ phải hoàn tất các thủ tục về đất đai theo quy định chuyển đổi mục đích sử dụng 182,0 m² đất vườn sang đất ở đô thị.

Tại Công văn số 3670/UBND-XD4 ngày 24-5-2017, UBND tỉnh Quảng Ninh trả lời về việc giải quyết kiến nghị của ông Đ tại thành phố L, trong đó có nội dung: UBND tỉnh đồng ý với đề xuất của UBND thành phố L, không thực hiện phá dỡ đối với công trình của hộ ông Đ và xem xét cho tồn tại đối với các bộ phận, hạng mục phù hợp quy hoạch, không ảnh hưởng đến giao thông tỉnh lộ 336, thoát nước của suối Hà Trung - H. Giao UBND thành phố L chủ trì, phối hợp với Cục Thi hành án dân sự tỉnh tổ chức đối thoại với ông Đ, hướng dẫn ông Đ hoàn chỉnh các thủ tục về đất đai, xây dựng; chấp hành xử phạt vi phạm hành chính; xác định giá trị đầu tư công trình vào giá trị tài sản của công dân và nghĩa vụ phải chấp hành Bản án số 101/2011/KDTM-PT ngày 02-6-2011 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội.

Do trong quá trình sử dụng đất trước đó, gia đình ông Đ và một số hộ dân liền kề đã tự thỏa thuận hoán đổi diện tích đất, cụ thể: hộ ông Đ chuyển nhượng 18,3 m² cho hộ ông Nguyễn Tiến Dũng; 2,7 m² cho hộ ông Đỗ Xuân Nghiêm; hộ ông Nguyễn Tiến Nhung chuyển nhượng 7,3 m² đất cho hộ ông Đ. Để đảm bảo việc thi hành Bản án số 101/2011/KDTM-PT ngày 02-6-2011 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao, Cục Thi hành án dân sự tỉnh, Ngân hàng TMCP công thương Việt Nam, Phòng TNMT thành phố, UBND phường H đã tổ chức cuộc họp với các hộ dân để điều chỉnh ranh giới và cấp GCNQSD đất đối với các hộ dân để hoàn tất thủ tục chuyển nhượng QSD đất của hộ ông Đ và các hộ dân liền kề để tránh tranh chấp khi thi hành án.

Ngày 10-11-2017, ông Đ, bà N đã chuyển nhượng cho ông Nguyễn Tiến D 18,3 m² đất ở, chuyển nhượng cho ông bà Đỗ Xuân N1 - Vũ Thị V 2,7 m² đất ở và nhận chuyển nhượng 7,3 m² đất ở của ông Nguyễn Tiến N2, diện tích đất còn lại là 409,1 m² (đất ở 212,3 m² ; đất TCLN: 196,8 m²) (GCNQSD đất số AH902336 số vào sổ H31046 ngày 27-12-2006 của ông Đ bà N có diện tích 422,8 m², trong đó đất ở: 226 m², đất TCLN: 196,8 m²).

Tại Quyết định số 5113/QĐ-UBND ngày 21-11-2017, UBND thành phố L đã quyết định: cho ông, bà Dương Xuân Đ - Phạm Thị N được phép chuyển mục đích sử dụng 182,0 m² từ đất TCLN sang sử dụng vào mục đích đất ở (ngoài hạn mức) tại thửa đất số 124 tờ BĐDC số 23 thuộc tổ 7 khu 1, phường H, thành phố L (thửa đất đã được cấp Giấy chứng nhận QSD đất và tài sản khác

gắn liền với đất số AH 902336 số vào sổ H31046 27-12-2006). Phần diện tích xin chuyển mục đích là đất vườn ao trong cùng thửa đất có nhà ở; giá đất ở theo quyết định số 3238/2014/QĐ-UBND ngày 26-12-2014 của UBND tỉnh Quảng Ninh là: 4.700.000 đồng/m²; hệ số điều chỉnh giá đất tại vị trí xin chuyển mục đích theo Quyết định 1024/2017/QĐ-UBND ngày 04-4-2017 là: 1.8; mức thu tiền sử dụng đất: Chi cục thuế thành phố L chịu trách nhiệm xác định theo đúng quy định hiện hành; mục đích sử dụng: đất ở; thời hạn sử dụng: lâu dài.

Ngày 25-11-2017, Chi cục Thuế thành phố L có thông báo lệ phí trước bạ nhà đất và thông báo nộp tiền sử dụng đất số 9225/TB về việc chuyển mục đích sử dụng phần đất diện tích 182 m² đất vườn sang mục đích đất ở trong GCN của ông Đ tại thửa đất số 124 tờ bản đồ số 23 phường H. Số tiền hộ ông Đ phải nộp cụ thể là: tiền sử dụng đất: 761.806.500 đồng; lệ phí trước bạ: 7.699.000 đồng.

Ngày 25-12-2017, Chi cục Thuế thành phố L có thông báo lệ phí trước bạ nhà đất và thông báo nộp tiền sử dụng đất số 10534/TB về việc cấp bổ sung 54,4 m² đất ngoài GCNQSD đất đã cấp năm 2006. Số tiền hộ ông Đ phải nộp cụ thể là: tiền sử dụng đất: 460.224.000 đồng; tiền lệ phí trước bạ: 2.301.000 đồng; tiền truy thu tài sản trên đất (nhà 5 tầng): 111.993.000 đồng.

Ngày 22-5-2018, tại cuộc họp giữa UBND thành phố L, Cục Thi hành án dân sự tỉnh, UBND phường H, một số phòng ban chuyên môn của thành phố và Đ diện gia đình ông Đ để họp bàn phương án giải quyết việc thi hành Bản án số 101/2011/KDTM-PT ngày 02-6-2011 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội đối với người phải thi hành án Dương Xuân Đ - Chủ DNTN Xí nghiệp SXTM V.

Do không đồng ý với việc cấp GCNQSD đất phải nộp nghĩa vụ tài chính, ông Đ có đơn gửi UBND thành phố với nội dung đề nghị xem xét lại nội dung biên bản cuộc họp ngày 22-5-2018 với tổng số tiền truy thu của ông là 1.344.023.500 đồng. Ông cho rằng việc truy thu tiền tại văn bản ngày 22-5-2018 còn thiếu cơ sở pháp lý. Đề nghị xem xét giải quyết giá thu tiền sử dụng đất theo khoản 2 Điều 100 Luật đất đai ngày 19-11-2013.

Tại văn bản số 5038/UBND ngày 27-6-2018, UBND thành phố L trả lời đơn của ông Dương Xuân Đ, với nội dung: giải thích cho ông Đ rõ về lý do và căn cứ buộc ông Đ phải nộp số tiền 1.344.023.500 đồng.

Trên cơ sở xem xét, đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xét thấy việc UBND thành phố L buộc ông Dương Xuân Đ phải thực hiện nghĩa vụ tài chính khi chuyển mục đích sử dụng 182 m² đất vườn sang đất ở; thực hiện nghĩa vụ tài chính khi cấp bổ sung 54,4 m² đất ở và truy thu tiền thuế xây dựng công trình xây dựng không phép trên thửa đất số 124, tờ bản đồ số 23 phường H, thành phố L là có căn cứ; Quyết định số 6138/QĐ-UBND ngày 28-9-2018 của Chủ tịch UBND thành phố L không chấp nhận nội dung khiếu nại của ông Dương Xuân Đ là đúng pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, ông Đ và Luật sư bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho ông Đ đề nghị đưa Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh và Trung

tâm dịch vụ đấu giá tài sản - Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ninh vào tham gia tổ tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Xét thấy Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh và Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản - Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ninh tổ chức cưỡng chế, kê biên, bán đấu giá tài sản là hoạt động của cơ quan Thi hành án dân sự để thi hành bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật và được điều chỉnh bởi Luật Thi hành án dân sự, nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu này của đương sự. Ngoài ra, quá trình giải quyết vụ án, ông Đ bổ sung yêu cầu khởi kiện, yêu cầu hủy Công văn số 8046/UBND ngày 25-9-2018 của UBND thành phố L. Xét thấy đây là công văn trao đổi công tác giữa UBND thành phố L với Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh trong việc phối hợp để thi hành Bản án số 101/2011/KDTM-PT ngày 02-6-2011 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội, nên không phải là đối tượng khởi kiện của vụ án.

Với các lí do trên, xét thấy việc Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định bác yêu cầu khởi kiện của ông Dương Xuân Đ là đúng pháp luật. Không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông Đ.

[3]. Về án phí: ông Dương Xuân Đ sinh năm 1960; là người cao tuổi nên được miễn án phí phúc thẩm theo quy định.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Bác kháng cáo của ông Dương Xuân Đ và giữ nguyên quyết định của Bản án số 37/2021/HC-ST ngày 09-7-2021 (được sửa chữa, bổ sung tại Quyết định số 01/2021/QĐ-TA ngày 12-8-2021) của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- Cục THA dân sự tỉnh Quảng Ninh;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: HSPA, PHCTP./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tất Nam